

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/KDTM-ST

Ngày: 15 - 11 - 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Châu

Ông Đỗ Ngọc Cận

-Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-KDTM, ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2018/QĐXX-KDTM ngày 22 ngày 10 tháng 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn V, sinh năm 19xx; Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường A1, phường A2, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D.

Trụ sở: Số B khu D, khu dân cư B1, phường B2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D (tên gọi khác: Ch), sinh năm 19xx, Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ: Số C đường số C5, khu dân cư C3, khóm C4, phường C5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018 của nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn V đều trình bày:

Vào ngày 20/11/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ (viết tắt là Công ty Đ) do bà Trương Ánh T1 làm đại diện có ký hợp đồng mua bán xi măng với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D (viết tắt là Công ty D) do ông Nguyễn Văn D làm đại diện.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Đ đã giao hàng đúng như thỏa thuận với số lượng 380 bao xi măng, tổng giá trị đơn hàng là 24.700.000 đồng. Sau khi nhận đủ hàng, phía Công ty D không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán. Từ tháng 12/2017 đến tháng 3/2018 Công ty Đ đã nhiều lần liên hệ và gửi thư đòi nợ đối với Công ty D nhưng Công ty D vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngày 18/3/2018 Công ty Đ đã gửi thư đòi nợ lần thứ ba nhưng vẫn không nhận được phản hồi. Nguyên đơn đã liên hệ ông Ng là người của Công ty D (ông Ng là người trực tiếp liên lạc mua xi măng của Công ty Đ) nhưng ông Ng vẫn không có trách nhiệm trả nợ.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đ phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ số tiền mua hàng là (380 bao xi măng với giá là 65.000đồng/bao) = 24.700.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 28/11/2017 đến ngày 14/11/2018 theo mức lãi suất là 24.700.000 đồng x 0,1%/ngày x 350 ngày = 8.645.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 33.345.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo pháp luật của bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D là ông Nguyễn Văn D đều trình bày:

Vào ngày 20/11/2017 ông có ký hợp đồng mua bán xi măng với nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ (viết tắt Công ty Đ) để mua 380 bao xi măng với giá là 65.000 đồng/bao. Đối với phiếu giao hàng đề ngày 20/11/2017 được ông ký cùng lúc với hợp đồng mua bán xi măng, vì vậy phiếu giao hàng là không đúng vì xi măng giao sau ngày ký hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng thì ông có nhận đủ số hàng theo hợp đồng là 380 bao xi măng từ ông Ng, nhưng sau đó ông Ng (họ tên và địa chỉ cụ thể của ông Ng thì ông không rõ) lấy lại 60 bao xi măng do vậy bị đơn chỉ lấy 320 bao xi măng với tổng số tiền là 20.800.000 đồng và bị đơn đã trả cho ông Ng đủ số tiền

20.800.000 đồng. Do đã trả đủ số tiền nêu trên cho ông Ng nên ông không đồng ý trả lần nữa.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền vốn và tiền lãi với tổng số tiền là 33.345.000 đồng, ông không đồng ý vì ông đã trả cho ông Ng rồi.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đều đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ là ông Huỳnh Văn V và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Nguyễn Văn D đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ, xử buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ số tiền mua hàng còn thiếu là 24.700.000 đồng và tiền lãi với số tiền là: 8.645.000 đồng và buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về thủ tục thụ lý vụ án và thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Huỳnh Văn V là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ là nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D trả số tiền mua bán xi măng theo Hợp đồng mua bán xi măng ngày 20/11/2017 và Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D có trụ sở tại số C đường số C5, khu dân cư C3, khóm C4, phường C5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng

hóa” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ, về việc yêu cầu bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đ phải thanh toán khoản tiền mua bán xi măng còn nợ là 24.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/11/2017 đến ngày 14/11/2018 với mức lãi suất là 0,1%/ngày) tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 33.345.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D thừa nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Đ có ký kết hợp đồng mua bán xi măng vào ngày 20/11/2017 với nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ. Sau khi ký hợp đồng thì các bên đã đặt đơn hàng đầu tiên với số lượng là 380 bao xi măng có giá là 65.000 đồng/bao với số tiền là 24.700.000 đồng. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc nguyên đơn ký hợp đồng mua bán xi măng với bị đơn là có thật.

[3] Theo hợp đồng mua bán xi măng mà hai bên đã ký, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi ký hợp đồng mua bán xi măng vào ngày 20/11/2017 giữa các bên đã đặt đơn hàng đầu tiên và được giao nhận đầy đủ về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, tại Khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng thì thời hạn thanh toán cho mỗi đơn hàng tối đa là 07 ngày kể từ ngày nhận hàng. Từ khi giao hàng đến nay nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên. Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị đơn lại cho rằng sau khi hai bên ký hợp đồng, bị đơn đã nhận đủ 380 bao xi măng với giá là 65.000đồng/bao từ ông Lâm Thành Ng (ông Ng sinh năm nào và địa chỉ cụ thể của ông Ng thì bị đơn không rõ) sau đó ông Ng có lấy lại 60 bao xi măng bán cho người khác (ông Ng lấy lại 60 bao xi măng vào ngày tháng năm nào bị đơn không nhớ), bị đơn chỉ lấy 320 bao xi măng với tổng số tiền là 20.800.000 đồng. Số tiền này bị đơn đã thanh toán đủ cho ông Ng, việc giao nhận xi măng, lấy lại 60 bao xi măng, việc trả tiền giữa bị đơn và ông Ng không có làm giấy tờ. Bên cạnh đó bị đơn cho rằng ông Ng là nhân viên của nguyên đơn, ngược lại nguyên đơn lại cho rằng ông Ng là nhân viên của bị đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đề nghị Tòa án xác minh và triệu tập ông Ng theo địa chỉ mà bị đơn đã cung cấp cho Tòa án cũng tại Biên bản xác minh ngày 28/9/2018 địa chỉ mà bị đơn cung cấp không có ai tên Ng và tại phiên tòa bị đơn cũng không biết được ông Ng hiện đang ở địa chỉ cụ thể nào. Bên cạnh đó bị đơn không cung cấp được những tài liệu chứng cứ, chứng minh việc bị đơn đã

trả số tiền mua bán xi măng, việc giao nhận lại 60 bao xi măng giữa bị đơn và ông Ng. Nhưng tại phiên tòa bị đơn chỉ cung cấp một tờ giấy biên nhận đề ngày 04/01/2018 thể hiện ông Ng có nhận 40.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn D và ông D có giữ bằng tốt nghiệp Đại học của ông Ng. Hội đồng xét xử nhận thấy, nếu sau này bị đơn biết rõ địa chỉ và đủ chứng cứ chứng minh việc ông Ng đã nhận tiền của bị đơn và có vay mượn số tiền 40.000.000 đồng nêu trên, thì bị đơn có quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự đối với ông Ng bằng một vụ án khác.

[4] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Tuy nhiên, phía bị đơn không cung cấp được cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ để chứng minh bị đơn đã trả tiền cho nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ số tiền mua bán xi măng còn thiếu là 24.700.000 đồng. Vì vậy, lời phản đối của phía bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại quy định về thanh toán thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”. Như vậy, bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D đã nhận hàng theo thỏa thuận nhưng chưa thanh toán đủ tiền mua hàng nên phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua hàng còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền mua xi măng còn nợ tổng cộng là 24.700.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi được tính từ ngày 28/11/2017 đến ngày 14/11/2018 với mức lãi suất là $0,1\%/ngày$) = 8.645.000 đồng. Do phía bị đơn vi phạm hợp đồng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu cho nguyên đơn. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Nhận thấy, mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu đã được các bên thỏa thuận tại Khoản 5.3 Điều 5 của Hợp đồng thỏa thuận về mức lãi là $0.1\%/ngày$ trên số dư nợ quá hạn nhận thấy mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả thấp hơn mức lãi suất trung bình trên thị trường là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 306 của Luật thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán thì tiền lãi cụ thể mà phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 8.645.000 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền mua xi măng còn thiếu là 24.700.000 đồng, tiền lãi chậm trả tiền là 8.645.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 33.345.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án

của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[9] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ khoản nợ gốc với số tiền là 24.700.000 đồng và tiền lãi là 8.645.000 đồng, tổng cộng là 33.345.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng D chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Đ số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001828 ngày

11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ